TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN-KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY NHÔM LÂM ĐỒNG - TKV
Số: 4631/LDA-KTTH

V/v báo giá dự toán đơn hàng mua sắm Vật tư phục hồi máy làm mát xỉ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lâm Đồng, ngày 11 tháng 11 năm 2026

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp vật tư

Công ty Nhôm Lâm Đồng - TKV (LDA) hiện đang có nhu cầu mua sắm vật tư phục vụ sản xuất cho nhà máy Alumin.

Để có cơ sở lập dự toán đơn hàng mua sắm vật tư phục hồi máy làm mát xỉ tại Nhà máy Alumin, LDA kính mời các nhà cung cấp vật tư tham gia khảo sát và báo giá dự toán vật tư với các yêu cầu cụ thể như sau:

I. Thông tin và yêu cầu về hàng hóa, vật tư:

1. Chủng loại, danh mục, số lượng vật tư: *Chi tiết theo phụ lục I kèm theo.*

- Đối với các mục không chào giá thì số thứ tự Danh mục vật tư trong bảng báo giá giữ nguyên (không được xóa), các thông tin còn lại như: Số lượng; Đơn Giá; Thành tiền ghi là *"0"* hoặc ghi là " *Không chào giá*".

2. Yêu cầu về quy cách, đặc tính kỹ thuật:

- Hàng hóa, vật tư cung cấp theo từng chủng loại do nhà cung cấp chào phải đáp ứng các yêu cầu về quy cách, đặc tính kỹ thuật như nêu tại Cột 2 Phụ lục 1 kèm theo.

- Hàng hoá chào giá là hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng.

3. Yêu cầu về nhà sản xuất (hãng sản xuất), xuất xứ hàng hóa:

Hàng hóa, vật tư cung cấp phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, hợp pháp.

3.1 Đối với những mục vật tư yêu cầu phải có giấy tờ kèm theo để chứng minh nguồn gốc, xuất xứ (CO) và giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (CQ) khi giao hàng đối với hàng nhập khẩu; giấy chứng nhận chất lượng xuất xưởng đối với hàng sản xuất trong nước hoặc văn bản tương đương được LDA chấp thuận.

+) Nhà cung cấp là đơn vị trực tiếp nhập khẩu nguyên lô, theo hợp đồng thì phải giao bản gốc CO,CQ.

+) Trường hợp NCC nhập khẩu lô lớn để phân phối, hoặc bán lẻ, hoặc không phải là đơn vị nhập khẩu trực tiếp thì Nhà cung cấp ký tên, đóng dấu xác nhận và chịu trách nhiệm trước Pháp Luật về tính trung thực của bản sao CO,CQ) trừ trường hợp được quy định cụ thể tại cột 7 – Phụ lục 1;

3.2. Ngoài các mục yêu cầu bắt buộc CO,CQ được ghi tại Cột 7 – phụ lục I thì nhà cung cấp phải cấp giấy chứng nhận xuất xứ (CO) đối với các vật tư, phụ tùng nhập khẩu có đơn giá ≥ 50 triệu (đã bao gồm thuế, phí); giấy chứng nhận chất lượng (CQ) hoặc văn bản tương đương đối với các phụ tùng, vật tư kỹ thuật mua của các nhà sản xuất trong nước có đơn giá > 10 triệu (đã bao gồm thuế, phí).

Lưu ý: Các giấy tờ CO,CQ hoặc văn bản tương đương bằng tiếng nước ngoài thì phải dịch ra tiếng Việt.

4. Thời gian, tiến độ cung cấp:

Thời gian, tiến độ yêu cầu tương ứng đối với từng chủng loại vật tư như nêu tại Cột 5 Phụ lục 1 kèm theo.

Trên cơ sở tiến độ yêu cầu của LDA, nhà cung cấp có thể đề xuất thời gian, tiến độ cung cấp hàng hoá thực tế của mình để LDA xem xét, quyết định.

5. Địa điểm giao nhận: Kho của LDA tại nhà máy alumina, xã Bảo Lâm 1, tỉnh Lâm Đồng.

6. Các yêu cầu khác:

- Điều kiện thanh toán: LDA sẽ thanh toán 95% trong vòng 60 ngày kể từ ngày nhận đủ bộ hồ sơ theo quy định, khoản tiền giữ lại 5% bảo hành, LDA sẽ thanh toán trong vòng 60 ngày sau khi hết hạn.
- Tạm ứng hợp đồng: LDA không áp dụng điều kiện tạm ứng hợp đồng.

II. Các yêu cầu và chỉ dẫn nộp bảng báo giá:

1. Yêu cầu bảng báo giá:

- Nhà cung cấp tham gia báo giá dự toán chuẩn bị 01 bảng báo giá dự toán (báo giá bản giấy hoặc bản scan màu), điền đầy đủ các thông tin theo mẫu tại Biểu mẫu Phụ lục 2 kèm theo.
- Hiệu lực bảng báo giá tối thiểu 45 ngày kể từ ngày kể từ ngày báo giá.

2. Chỉ dẫn nộp bảng báo giá:

- Địa chỉ nộp, tiếp nhận Bảng báo giá:

+) Tổ tư vấn lựa chọn NCC vật tư - Công ty Nhôm Lâm Đồng - TKV.

+) Địa chỉ: Đường Phan Đình Phùng, Tổ 15, Xã Bảo Lâm 1, tỉnh Lâm Đồng.

+) Điện thoại: 02633.961.682/ Fax: 02633.961.680.

- Ngoài ra nhà cung cấp có thể gửi bảng báo giá (bản scan màu) đồng thời qua địa chỉ email: vattu.nhomlamdong@gmail.com.
- Thời điểm hết hạn tiếp nhận bảng báo giá: 15h00 phút ngày 19 tháng 11 năm 2026.

Trân trọng ./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Website TKV (đăng tải);
- Website LDA (đăng tải);
- Lưu VT, KTTH.

GIÁM ĐỐC

M.S.C.N: 5700100256-070 - C.T.C.P - CÔNG TY NHÔM LÂM ĐỒNG - TKV - X. BẢO LÂM 1 - T. LÂM ĐỒNG

Nguyễn Đức Thái

Phụ lục 1:

CHI TIẾT THÔNG TIN, YÊU CẦU VỀ HÀNG HÓA

TT	Tên, chủng loại, Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Đvt	Yêu cầu của hàng hóa, vật tư				
			SL	Tiến độ cung cấp	Yêu cầu bảo hành	Các yêu cầu khác	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1.	Bánh răng bị động: KT 650x65 (số răng 128, modun 5): VL: C45 (Có bản vẽ tham khảo kèm theo)	Cái	1	60 ngày	≥ 12 tháng	CO, CQ/Chứng nhận xuất xưởng	Máy làm mát xỉ/ PX NĐ
2.	Bánh răng chủ động KT: 610x50 (số răng 120, mô đun 5): VL C45 (Có bản vẽ tham khảo kèm theo)	Cái	1	60 ngày	≥ 12 tháng	CO, CQ/Chứng nhận xuất xưởng	Máy làm mát xỉ/ PX NĐ
3.	Bích giữ vành làm kín D540xD363x22mm, VL Q345 (Có bản vẽ tham khảo kèm theo)	Cái	1	60 ngày	≥ 12 tháng	CO, CQ/Chứng nhận xuất xưởng	Máy làm mát xỉ/ PX NĐ
4.	Bộ bánh tỳ cạnh vành D110x180mm, H=86, L=246 Gồm 2 vòng bi 6310; VL C45, bề mặt làm việc được tôi cứng 50-55HRC (Có bản vẽ tham khảo kèm theo)	Bộ	8	60 ngày	≥ 12 tháng	CO, CQ/Chứng nhận xuất xưởng	Máy làm mát xỉ/ PX NĐ
5.	Bộ bánh tỳ đỡ vành D240XD170XD150 gồm vòng bi 30316, bề mặt làm việc tôi cứng 40-45HRC; VL C45 (Có bản vẽ tham khảo kèm theo)	Bộ	4	60 ngày	≥ 12 tháng	CO, CQ/Chứng nhận xuất xưởng	Máy làm mát xỉ/ PX NĐ
6.	Cổ ống xuống xỉ D372xH918; Vật liệu Inox 310 (có bản vẽ tham khảo kèm theo)	Cái	1	60 ngày	≥ 12 tháng	CO, CQ/Chứng nhận xuất xưởng	Máy làm mát xỉ/ PX NĐ
7.	Chèn kín ngoài D339xD166x73 VL Q345 (có bản vẽ tham khảo kèm theo)	Cái	1	60 ngày	≥ 12 tháng	CO, CQ/Chứng nhận xuất xưởng	Máy làm mát xỉ/ PX NĐ
8.	Giá đỡ cổ ống xuống xỉ KT 380x240x1072x12mm, VL Q235A (Có bản vẽ tham khảo kèm theo)	Cái	1	60 ngày	≥ 12 tháng	CO, CQ/Chứng nhận xuất xưởng	Máy làm mát xỉ/ PX NĐ
9.	Hộp giảm tốc CRW137CRL77-291-Y-4-B3-0; i=291; động cơ YE3-112-4; 4KW, 1440r/min, 8.7A)	Cái	1	60 ngày	≥ 12 tháng	CO, CQ	Máy làm mát xỉ/ PX NĐ
10.	Khoang gối đỡ xỉ KT748x570x16mm, Vật liệu Q345 (Có bản vẽ tham khảo kèm theo)	Cái	1	60 ngày	≥ 12 tháng	CO, CQ/Chứng nhận xuất xưởng	Máy làm mát xỉ/ PX NĐ
11.	Khoang múc xỉ rò KT 714x12mm; Vật liệu Q345 (Có bản vẽ tham khảo kèm theo)	Cái	1	60 ngày	≥ 12 tháng	CO, CQ/Chứng nhận xuất xưởng	Máy làm mát xỉ/ PX NĐ

TT	Tên, chủng loại, Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Đvt	Yêu cầu của hàng hóa, vật tư				
			SL	Tiến độ cung cấp	Yêu cầu bảo hành	Các yêu cầu khác	Ghi chú
12.	Khoang xỉ nóng : KT D1260x450x16mm; Vật liệu Q345 (Có bản vẽ tham khảo kèm theo)	Cái	1	60 ngày	≥ 12 tháng	CO, CQ/Chứng nhận xuất xưởng	Máy làm mát xỉ/ PX NĐ
13.	Lưỡi xoắn vít ống D180xD90x10mm dài 4,8m, Vật liệu: XAR500 (Có bản vẽ tham khảo kèm theo)	Cái	46	60 ngày	≥ 12 tháng	CO, CQ/Chứng nhận xuất xưởng	Máy làm mát xỉ/ PX NĐ
14.	Mặt bích : KT D1290x20mm; vật liệu Q345 (Có bản vẽ tham khảo kèm theo)	cái	4	60 ngày	≥ 12 tháng	CO, CQ/Chứng nhận xuất xưởng	Máy làm mát xỉ/ PX NĐ
15.	Mặt cuối thân máy làm mát xỉ: KT D1290x456x20mm; Vật liệu Q345 (Có bản vẽ tham khảo kèm theo)	Cái	1	60 ngày	≥ 12 tháng	CO, CQ/Chứng nhận xuất xưởng	Máy làm mát xỉ/ PX NĐ
16.	Mặt đầu thân máy làm mát xỉ: KT D1290x390x20mm; VL thép Q345 (Có bản vẽ tham khảo kèm theo)	Cái	1	60 ngày	≥ 12 tháng	CO, CQ/Chứng nhận xuất xưởng	Máy làm mát xỉ/ PX NĐ
17.	Nắp bích KT D240x164x8mm Vật liệu: Q345 (Có bản vẽ tham khảo kèm theo)	cái	1	60 ngày	≥ 12 tháng	CO, CQ/Chứng nhận xuất xưởng	Máy làm mát xỉ/ PX NĐ
18.	Ống thép phi tiêu chuẩn D200 x10mm x4,8m vật liệu Q345 (Có bản vẽ tham khảo kèm theo)	Ống	23	60 ngày	≥ 12 tháng	CO, CQ/Chứng nhận xuất xưởng	Máy làm mát xỉ/ PX NĐ
19.	Trục đầu ra xỉ KT: D166x710mm VL: C45 có bản vẽ tham khảo kèm theo)	Cái	1	60 ngày	≥ 12 tháng	CO, CQ/Chứng nhận xuất xưởng	Máy làm mát xỉ/ PX NĐ
20.	Vành chèn kín trong D280xD160x50mm, vật liệu Q345 (Có bản vẽ tham khảo kèm theo)	Cái	1	60 ngày	≥ 12 tháng	CO, CQ/Chứng nhận xuất xưởng	Máy làm mát xỉ/ PX NĐ
21.	Vành làm kín ngoài D540xD363x24mm, Vật liệu Q345 (Có bản vẽ tham khảo kèm theo)	Cái	1	60 ngày	≥ 12 tháng	CO, CQ/Chứng nhận xuất xưởng	Máy làm mát xỉ/ PX NĐ
22.	Vành làm kín trong D452xD340x30mm, Vật liệu Q345 (Có bản vẽ tham khảo kèm theo)	Cái	1	60 ngày	≥ 12 tháng	CO, CQ/Chứng nhận xuất xưởng	Máy làm mát xỉ/ PX NĐ
23.	Vành tỳ máy làm mát xỉ D1480xD1335x100mm; Vật liệu C45 (Có bản vẽ tham khảo kèm theo)	Cái	2	60 ngày	≥ 12 tháng	CO, CQ/Chứng nhận xuất xưởng	Máy làm mát xỉ/ PX NĐ

Ghi chú:

- Toàn bộ vật tư được sử dụng thay thế sửa chữa phục hồi máy làm mát xỉ, phân xưởng Nhiệt điện tại LDA, Nhà cung cấp khảo sát tại trực tiếp để đảm bảo các vật tư/ phụ tùng cung cấp

lắp đặt tương thích với thiết bị hiện tại của LDA. NCC có thể chào hàng hoá tương đương thay thế đảm bảo thông số kỹ thuật và yêu cầu lắp đặt.

***Phụ lục 2*: Biểu mẫu báo giá dự toán**

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

BẢNG BÁO GIÁ DỰ TOÁN

Kính gửi: Công ty Nhôm Lâm Đồng – TKV

Sau khi nghiên cứu yêu cầu báo giá dự toán số ____ *[Ghi số, ngày của thư mời báo giá]*. Chúng tôi, ___ *[Ghi tên nhà cung cấp]* trân trọng gửi bảng báo giá dự toán cụ thể như sau:

STT	Chủng loại hàng hóa/vật tư theo yêu cầu của LDA	Chủng loại hàng hóa/ thông số nhà cung cấp đề xuất	Nhà sản xuất/ Hãng sản xuất	Xuất xứ	Thời gian, tiến độ cung cấp	Các tài liệu, hồ sơ cam kết kèm theo (thời gian BH)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1											
2											
3											
	Tổng cộng giá chào trước thuế:										
	Thuế GTGT:										
	Tổng cộng giá chào sau thuế:										
	(Bằng chữ: ……..)										

Hiệu lực báo giá:..... ngày.

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- Cột số (2): Nhà cung cấp điền đúng chủng loại, thông số yêu cầu như cột (2) của phụ lục I.

- Cột số (3): Chỉ điền khi chào chủng loại hàng hoá, vật tư, thông số khác so với nhu cầu của LDA (trường hợp đúng yêu cầu của LDA thì bỏ trống).

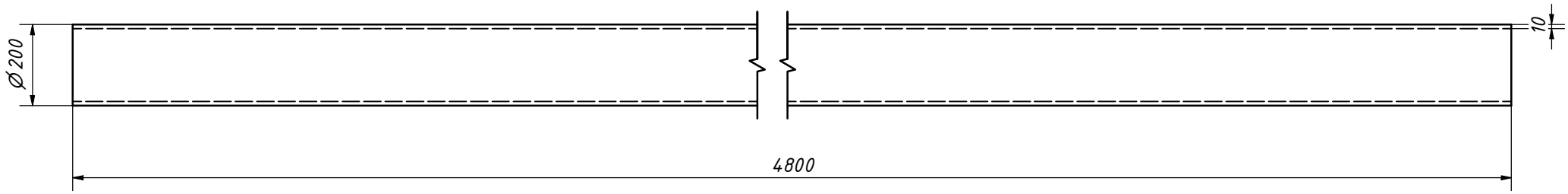
- Cột số (4): Ghi rõ nhà sản xuất/ hãng sản xuất; xuất xứ của hàng hóa ghi vào Cột (5).

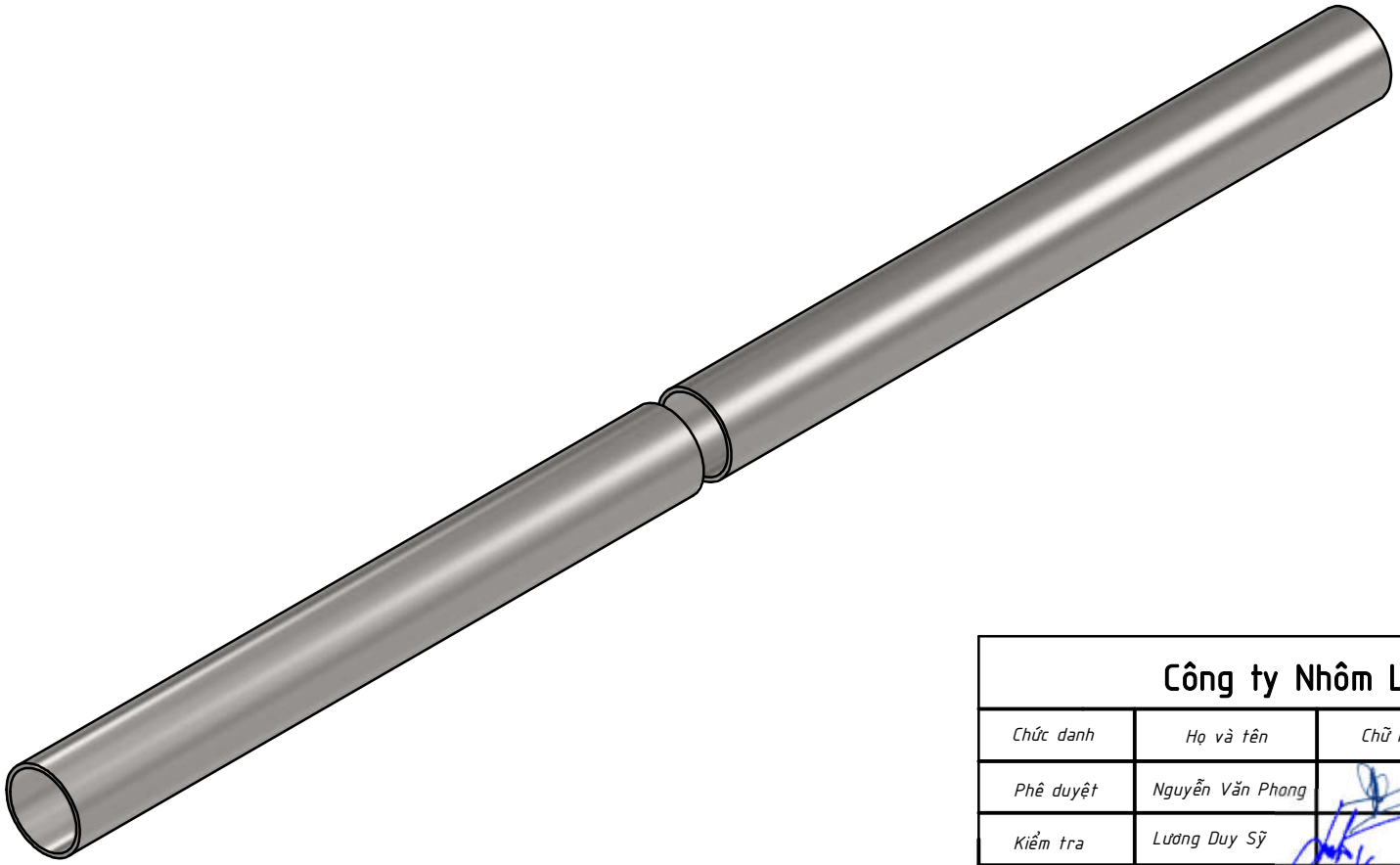
- Cột số (8) và (9): điền đvt và số lượng theo yêu cầu của LDA, trường hợp hiệu chỉnh lại đơn vị tính và số lượng theo thực tế thị trường thì nhà cung cấp ghi rõ vào phần ghi chú (cột 12).

- Cột số (10) ghi đơn giá, là đơn giá tổng hợp, bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết như giá hàng hóa (giá C&IF đối với hàng hóa nhập khẩu hoặc giá xuất xưởng đối với hàng hóa sản xuất trong nước), chi phí vận chuyển, chi phí lưu kho, chi phí bốc dỡ hàng, các khoản phí, thuế khác liên quan đến hàng hóa cho đến khi hàng hóa được bàn giao đảm bảo đạt yêu cầu tại kho của LDA.

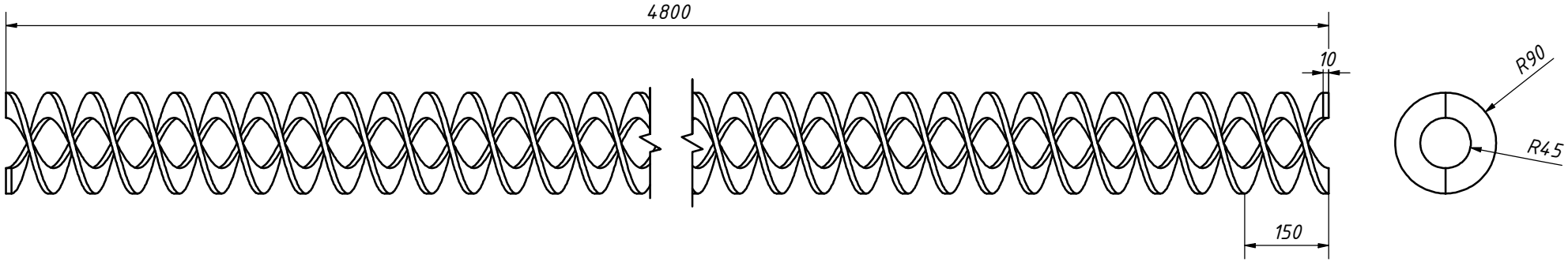
- Đối với những mục vật tư yêu cầu phải có giấy tờ kèm theo để chứng minh nguồn gốc, xuất xứ (CO) và giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (CQ) hoặc giấy chứng nhận xuất xưởng hoặc Giấy cam kết chất lượng theo yêu cầu của hồ sơ mời chào giá khi giao hàng, thì nhà cung cấp phải ghi vào Cột 7.

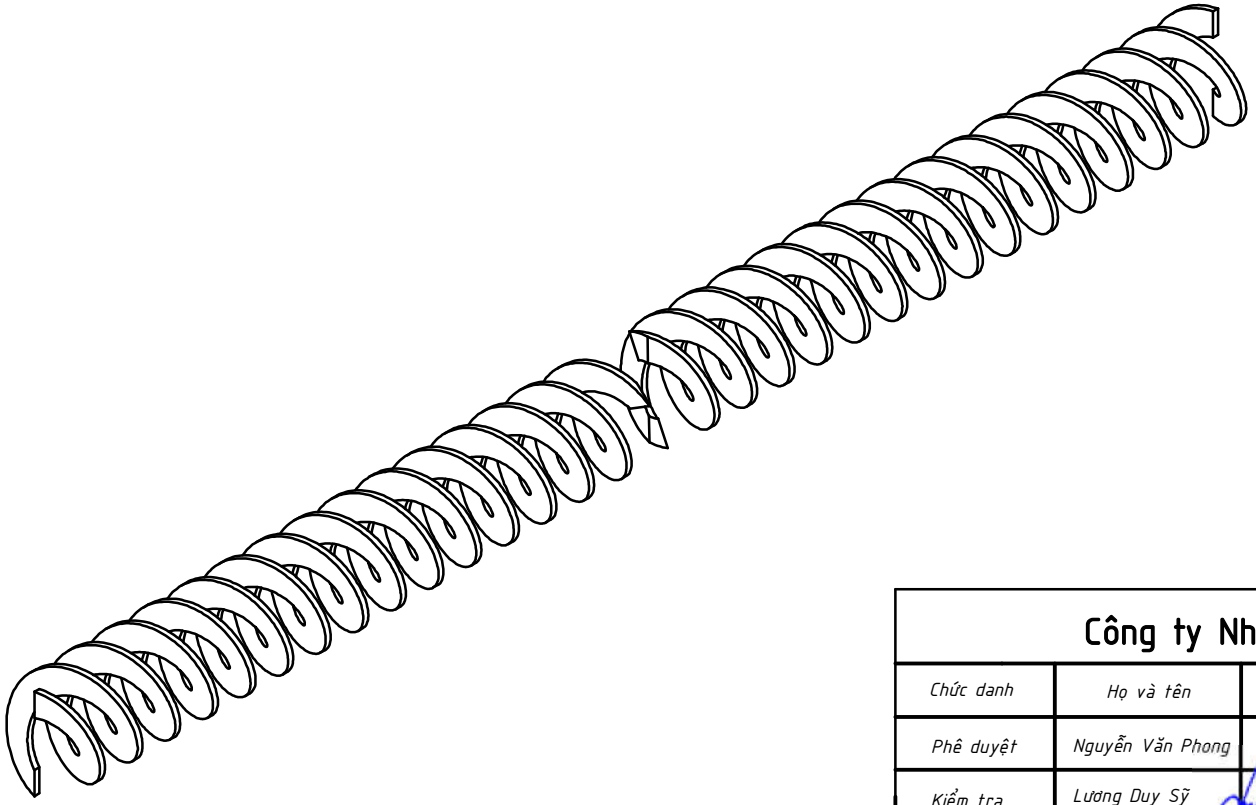
- Đối với trường hợp NCC chào chủng loại hàng hoá, quy cách, đặc tính kỹ thuật bằng tiếng nước ngoài thì phải dịch song ngữ bằng tiếng Việt trong bảng báo giá.





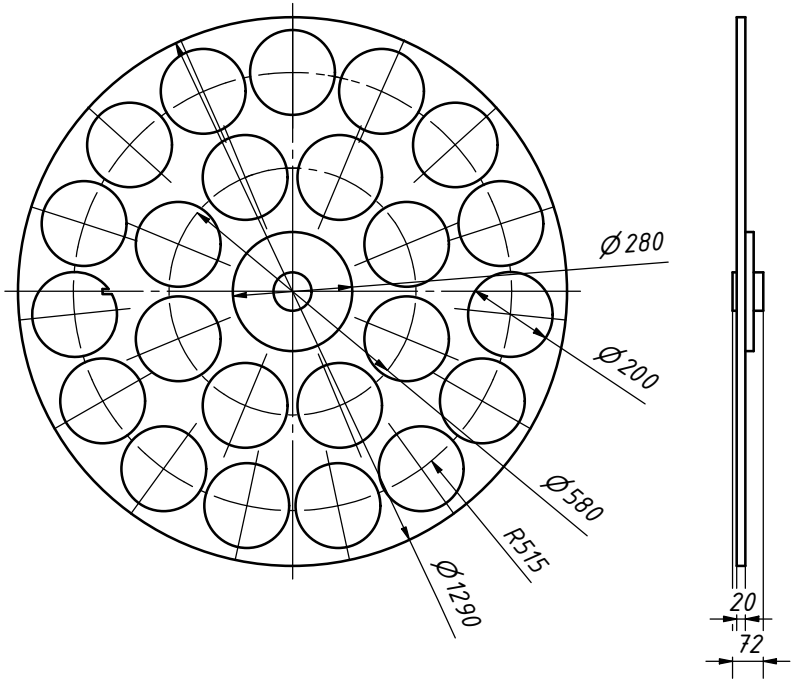
Công ty Nhôm Lâm Đồng - TKV								
Chức danh	Họ và tên	Chữ ký	Ống thép phi tiêu chuẩn D200 x10mm x4,8m					
Phê duyệt	Nguyễn Văn Phong							
Kiểm tra	Lương Duy Sỹ		Vật liệu	Khối lượng	Số lượng	Tỉ lệ	Số tờ	
Người vẽ	Trần Quốc Khánh		Q345	5173 kg	23 ống			



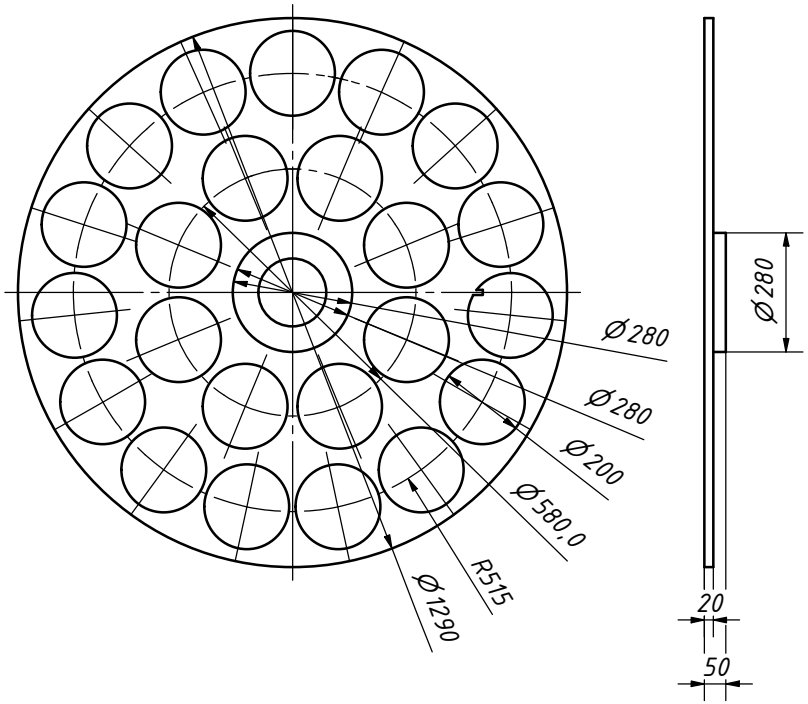


Ghi chú: 2 cái/ bộ

Công ty Nhôm Lâm Đồng - TKV								
Chức danh	Họ và tên	Chữ ký	Cung cấp lưỡi xoắn vít ống D180xD90x10mm dài 4,8m					
Phê duyệt	Nguyễn Văn Phong							
Kiểm tra	Lương Duy Sỹ		Vật liệu	Khối lượng	Số lượng	Tỉ lệ	Số tờ	
Người vẽ	Trần Quốc Khánh		XAR500	2185 kg	46 cái			

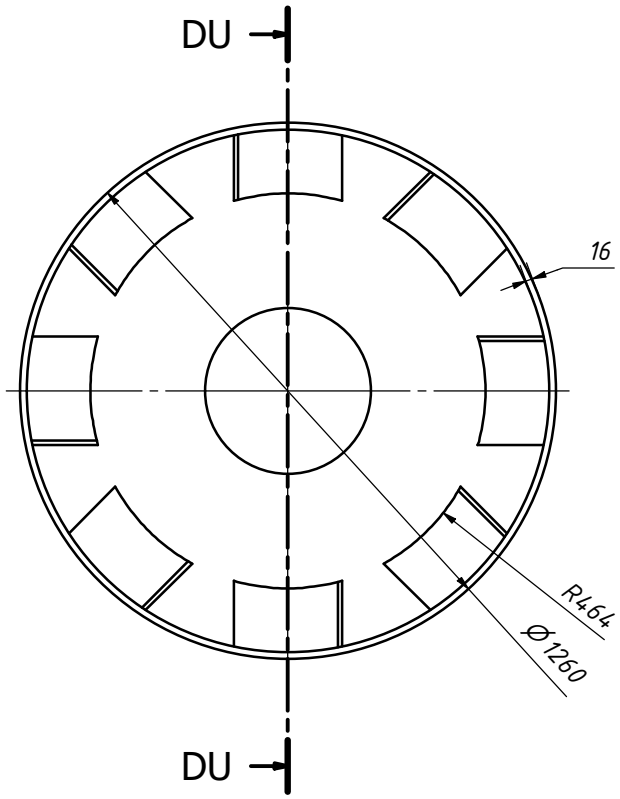


MẶT BÍCH ĐẦU KHOANG NƯỚC

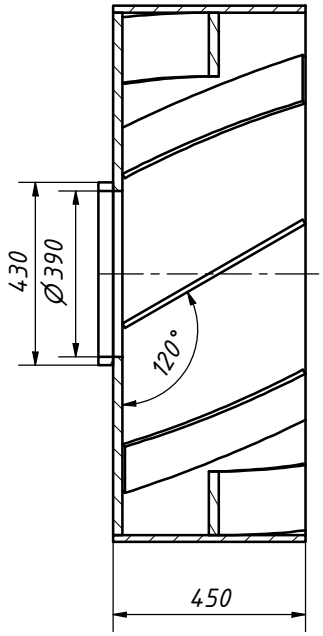


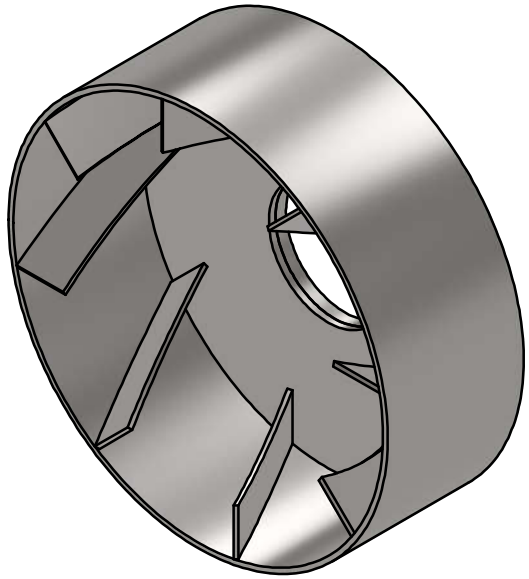
MẶT BÍCH CUỐI KHOANG NƯỚC

Công ty Nhôm Lâm Đồng - TKV								
Chức danh	Họ và tên	Chữ ký	Mặt bích lắp ống làm mát xỉ Mặt bích D1290x20mm					
Phê duyệt	Nguyễn Văn Phong							
Kiểm tra	Lương Duy Sỹ		Vật liệu	Khối lượng	Số lượng	Tỉ lệ	Số tờ	
Người vẽ	Trần Quốc Khánh		Q345	410 kg	02 cái			

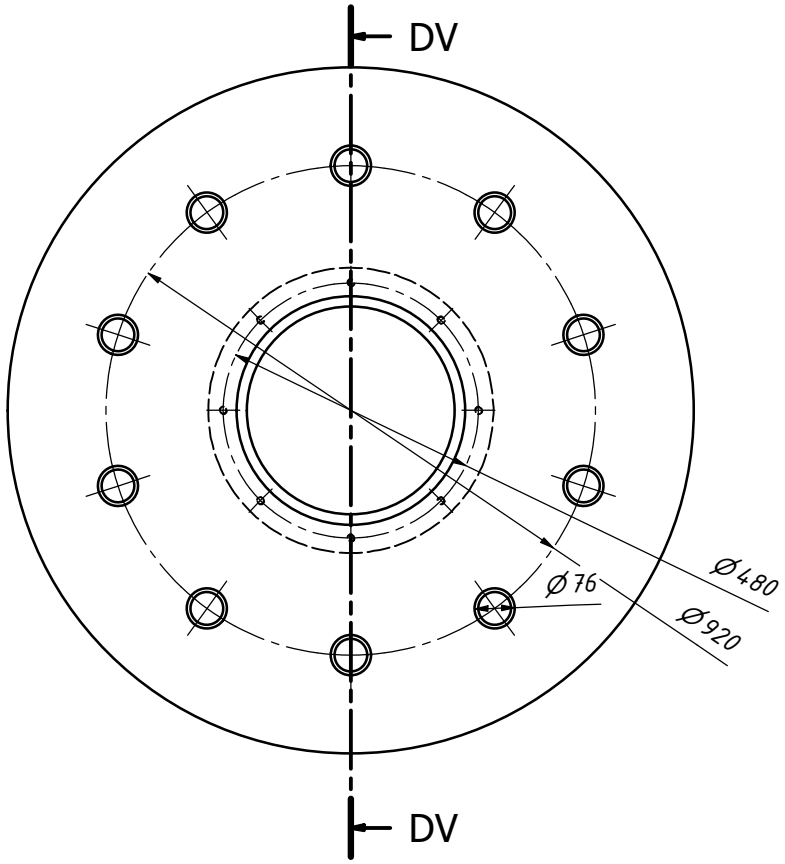


DU-DU (1 : 12.5)

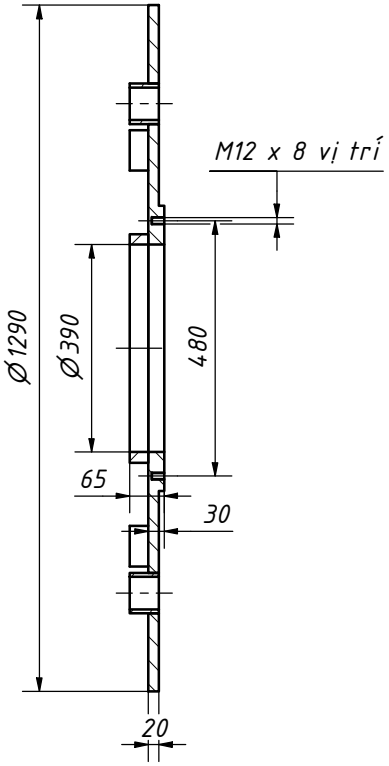


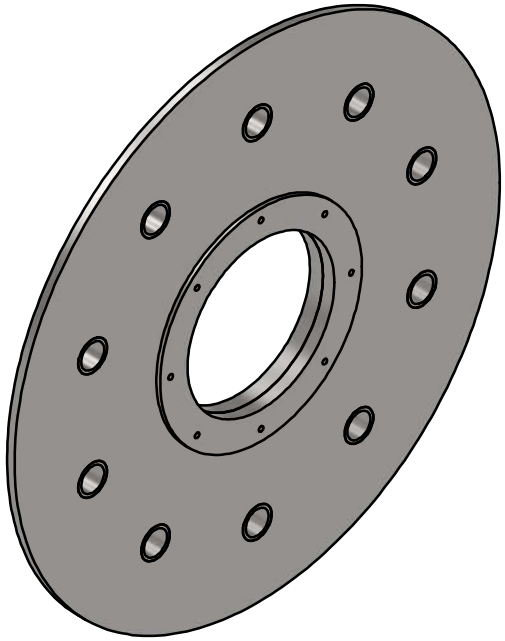


Công ty Nhôm Lâm Đồng - TKV								
Chức danh	Họ và tên	Chữ ký	Khoang xỉ nóng KT D1260x450x16mm					
Phê duyệt	Nguyễn Văn Phong							
Kiểm tra	Lương Duy Sỹ		Vật liệu	Khối lượng	Số lượng	Tỉ lệ	Số tờ	
Người vẽ	Trần Quốc Khánh		Q345	467 kg	01 cái			

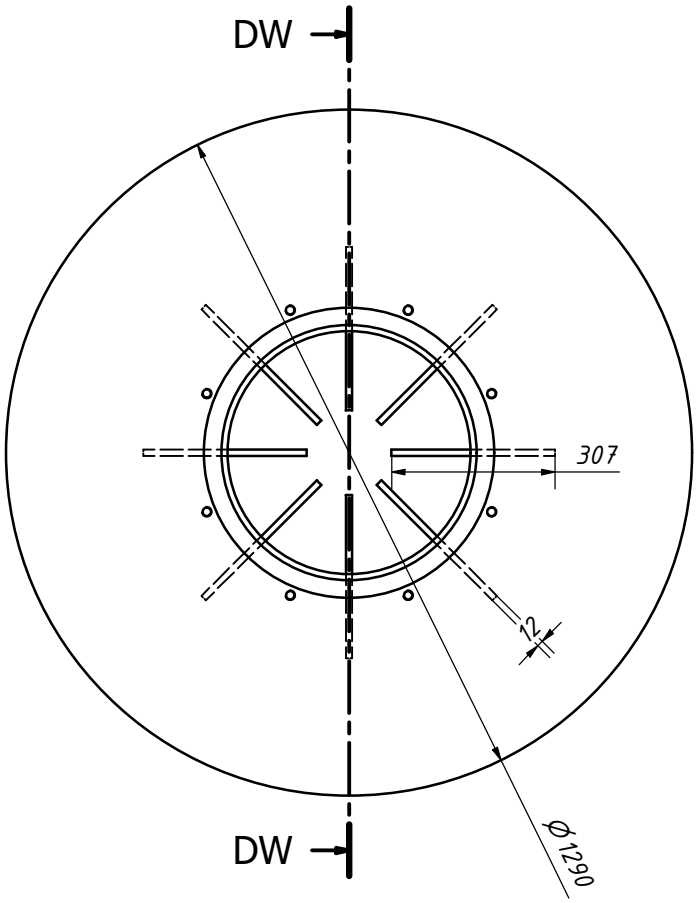


DV-DV (1 : 10)

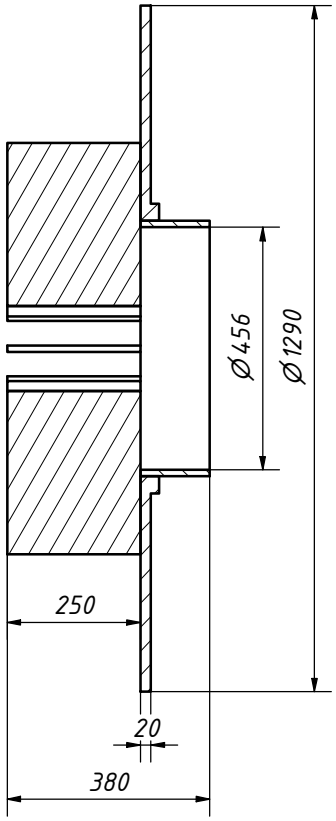


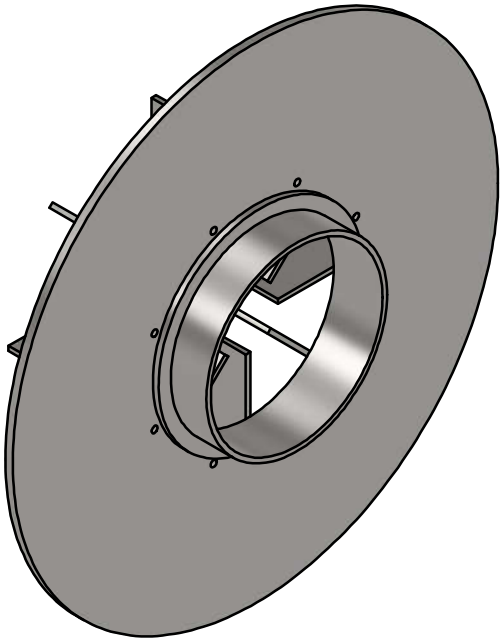


Công ty Nhôm Lâm Đồng - TKV								
Chức danh	Họ và tên	Chữ ký	Mặt đầu thân máy làm mát xỉ: KT D1290x390X20mm					
Phê duyệt	Nguyễn Văn Phong							
Kiểm tra	Lương Duy Sỹ		Vật liệu	Khối lượng	Số lượng	Tỉ lệ	Số tờ	
Người vẽ	Trần Quốc Khánh		Q345	201 kg	01 cái			



DW-DW (1 : 10)

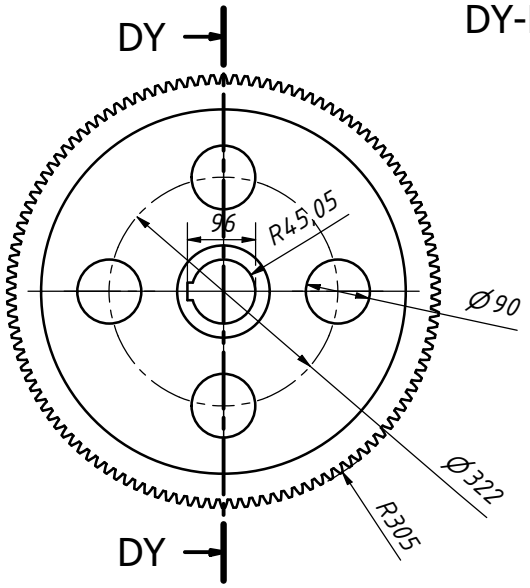




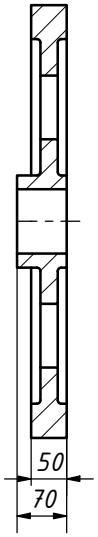
Công ty Nhôm Lâm Đồng - TKV								
Chức danh	Họ và tên	Chữ ký	Mặt cuối thân máy làm mát xỉ: KT D1260x456X20mm					
Phê duyệt	Nguyễn Văn Phong							
Kiểm tra	Lương Duy Sỹ		Vật liệu	Khối lượng	Số lượng	Tỉ lệ	Số tờ	
Người vẽ	Trần Quốc Khánh		Q345	258 kg	01 cái			

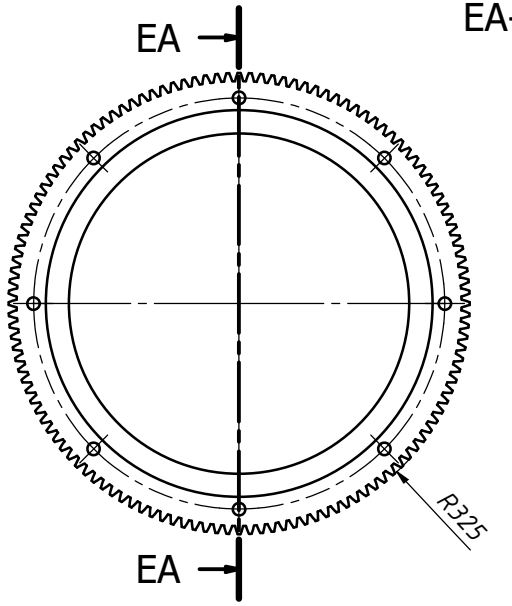
Bánh răng chủ động
KT: 610x50 (số răng
120, mô đun 5)

Bánh răng bị động:
KT 650x65 (số răng
128, mô đun 5)

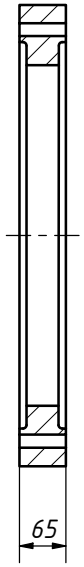


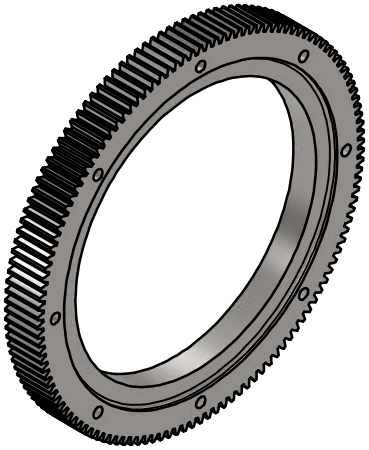
DY-DY (1 : 7.5)

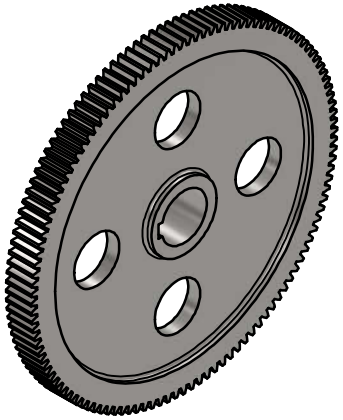




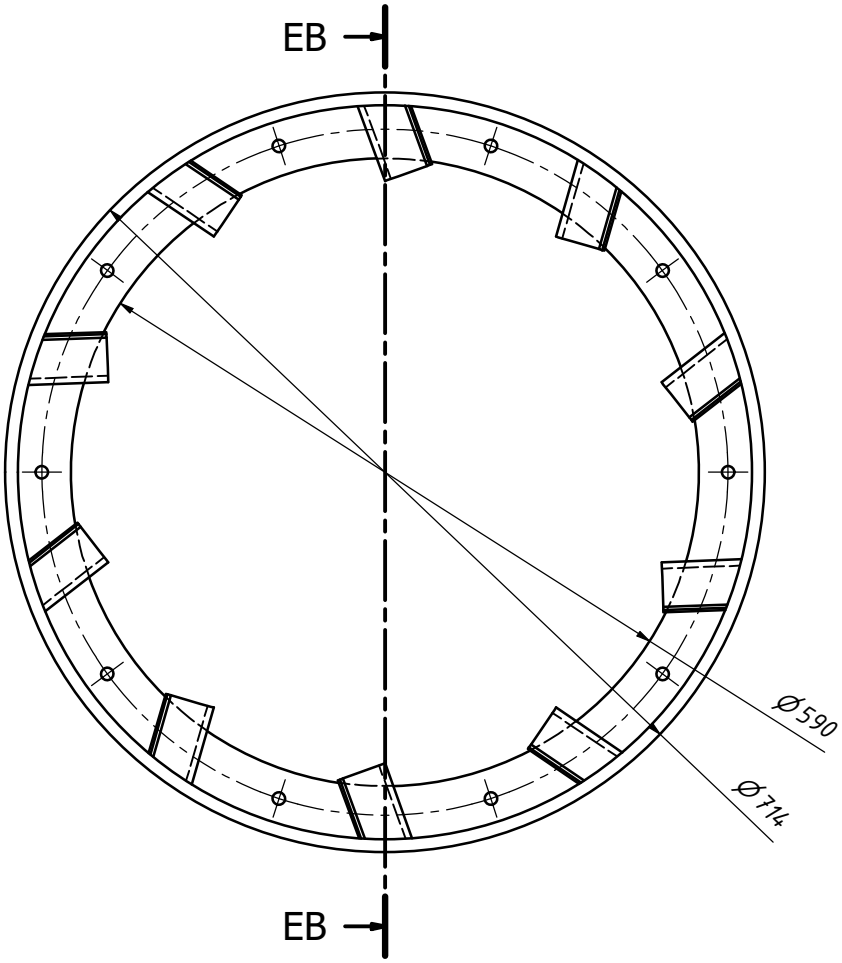
EA-EA (1 : 7.5)



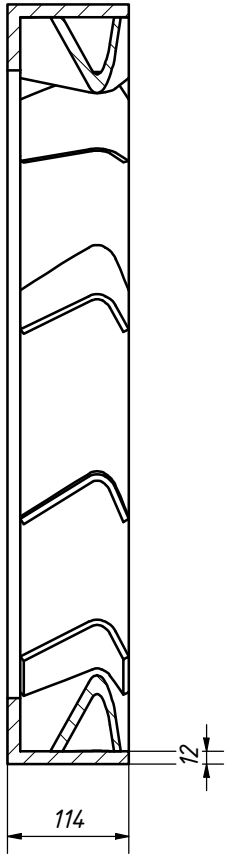




Công ty Nhôm Lâm Đồng - TKV								
Chức danh	Họ và tên	Chữ ký	bánh răng chủ động và bánh răng bị động					
Phê duyệt	Nguyễn Văn Phong							
Kiểm tra	Lương Duy Sỹ		Vật liệu	Khối lượng	Số lượng	Tỉ lệ	Số tờ	
Người vẽ	Trần Quốc Khánh		Thép C45	64 kg + 62 kg	02 cái			

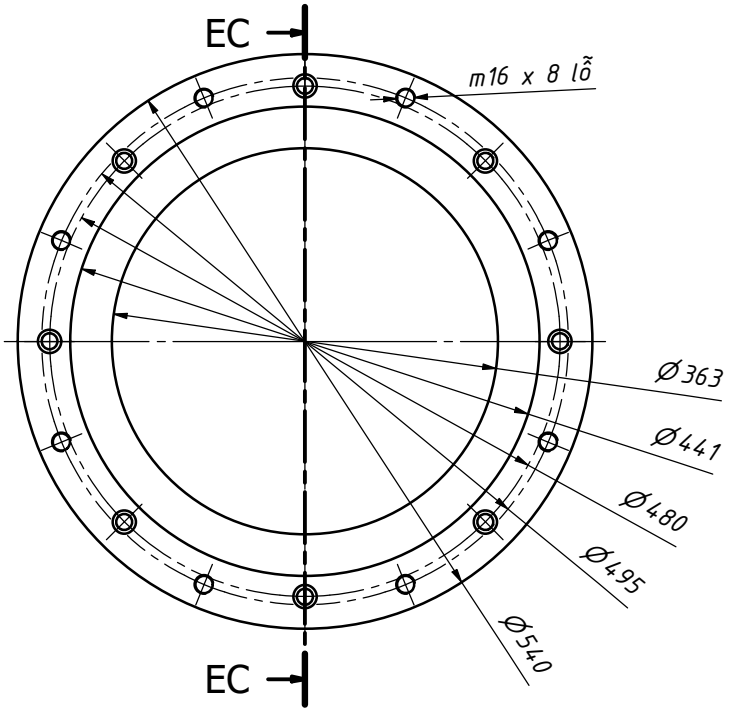


EB-EB (1 : 5)

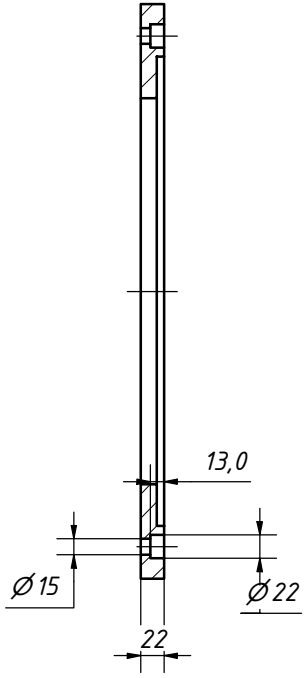


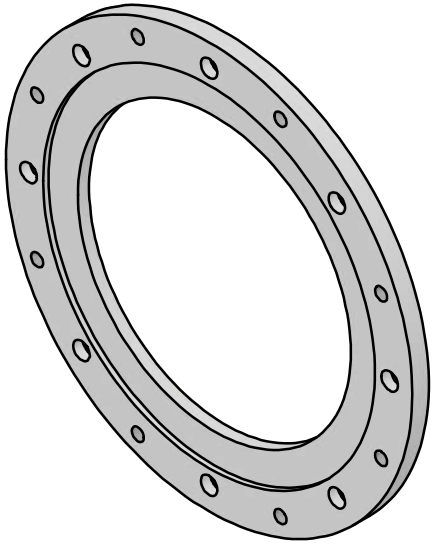


Công ty Nhôm Lâm Đồng - TKV								
Chức danh	Họ và tên	Chữ ký	Khoang múc xỉ rò Phi 714x12mm					
Phê duyệt	Nguyễn Văn Phong							
Kiểm tra	Lương Duy Sỹ		Vật liệu	Khối lượng	Số lượng	Tỉ lệ	Số tờ	
Người vẽ	Trần Quốc Khánh		Q345	44 kg	01 cái			

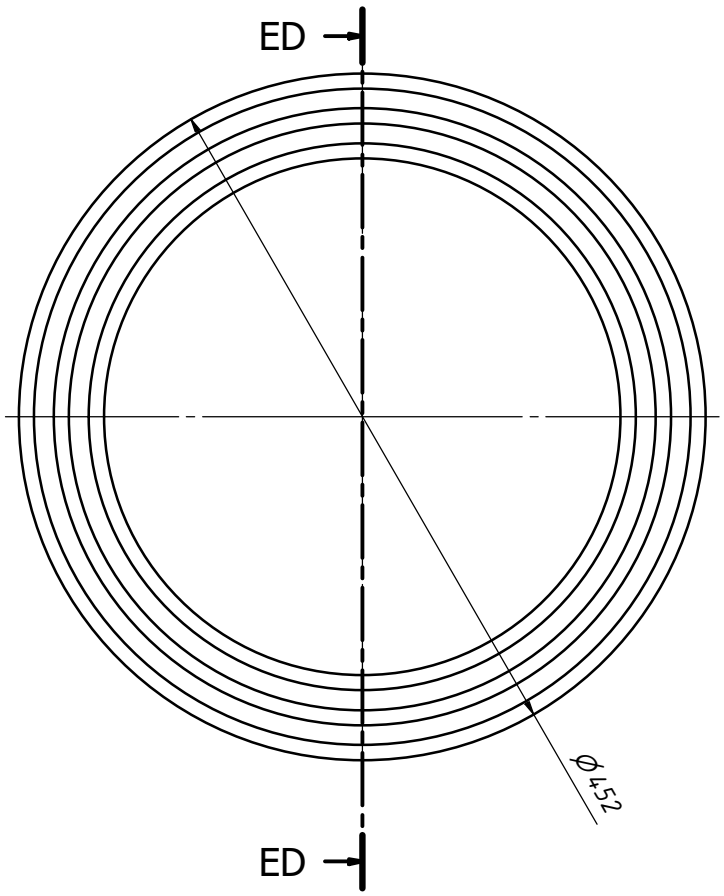


EC-EC (1 : 5)

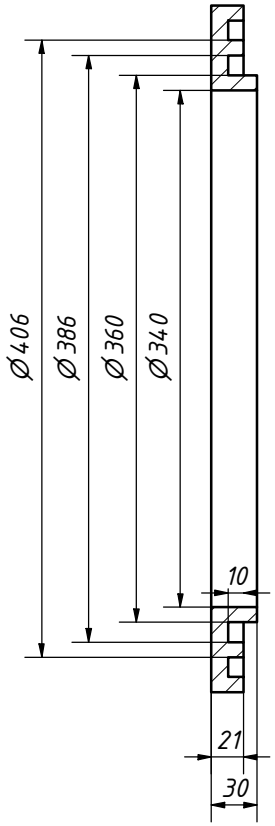


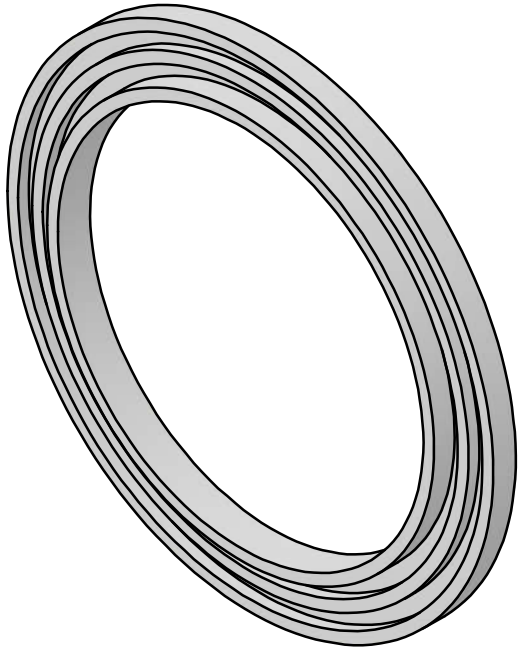


Công ty Nhôm Lâm Đồng - TKV								
Chức danh	Họ và tên	Chữ ký	Bích giữ vành làm kín D540xD363x22mm					
Phê duyệt	Nguyễn Văn Phong							
Kiểm tra	Lương Duy Sỹ		Vật liệu	Khối lượng	Số lượng	Tỉ lệ	Số tờ	
Người vẽ	Trần Quốc Khánh		Q345	18 kg	01 cái			

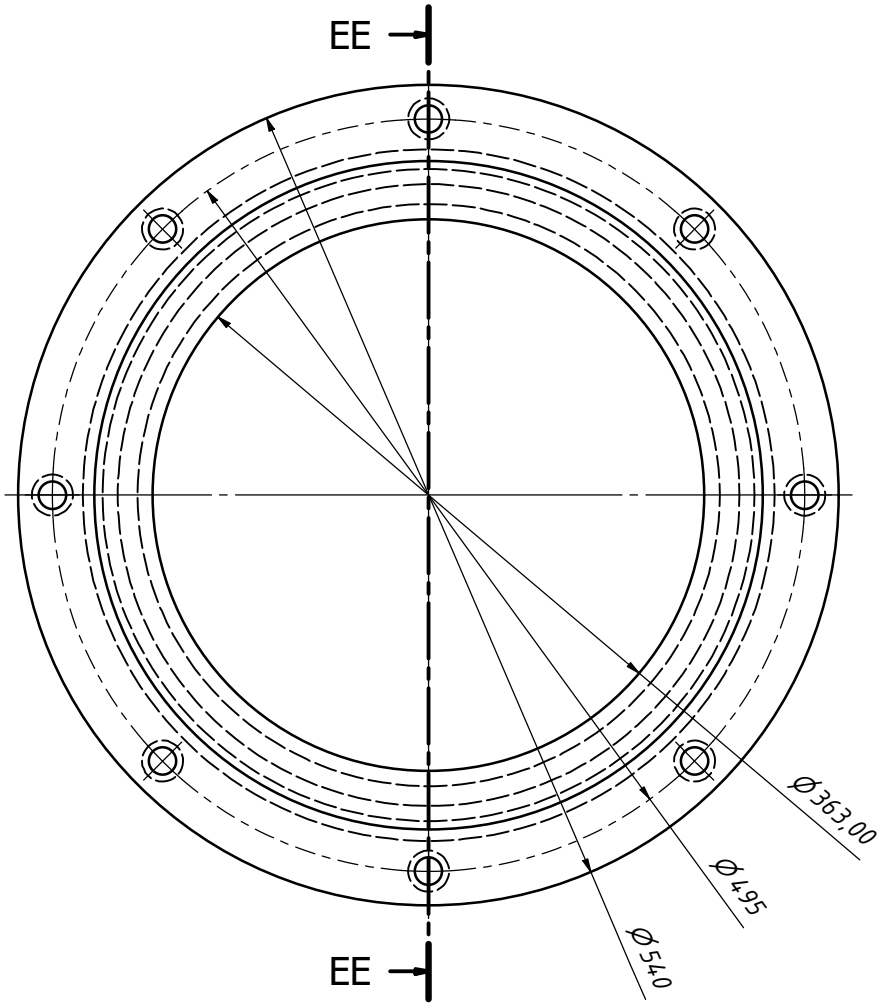


ED-ED (1 : 3.5)



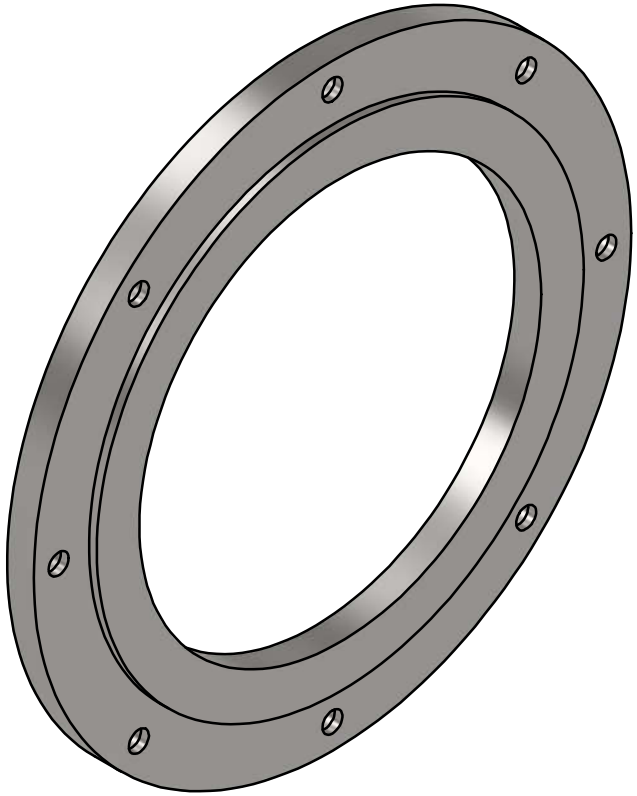


Công ty Nhôm Lâm Đồng - TKV								
Chức danh	Họ và tên	Chữ ký	Vành làm kín trong D452xD340x30mm					
Phê duyệt	Nguyễn Văn Phong							
Kiểm tra	Lương Duy Sỹ		Vật liệu	Khối lượng	Số lượng	Tỉ lệ	Số tờ	
Người vẽ	Trần Quốc Khánh		Q345	10 kg	01 cái			

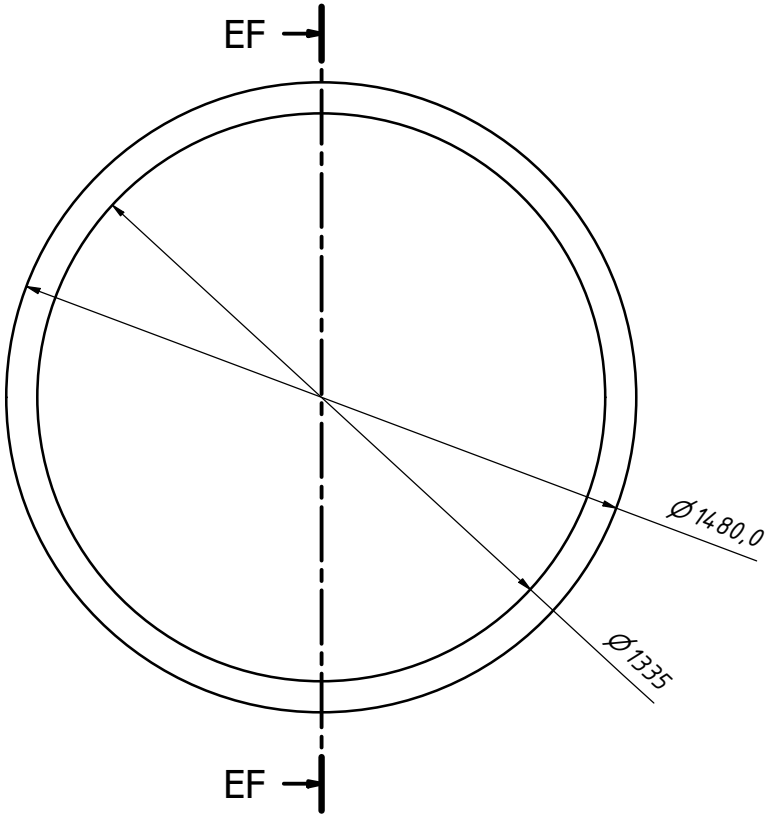


EE-EE (1 : 3.5)



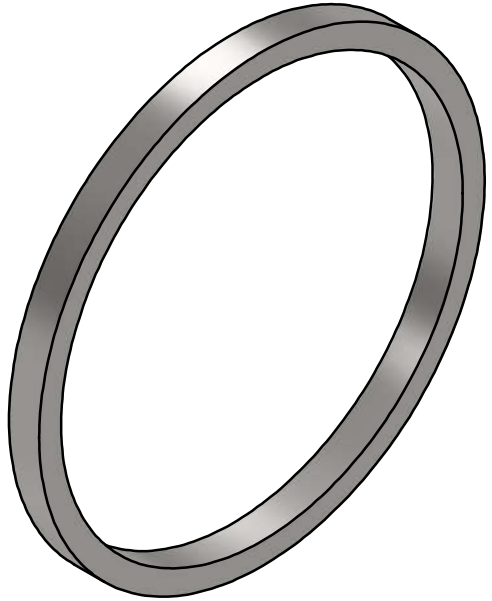


Công ty Nhôm Lâm Đồng - TKV								
Chức danh	Họ và tên	Chữ ký	Vành làm kín ngoài D540xD363x24mm					
Phê duyệt	Nguyễn Văn Phong							
Kiểm tra	Lương Duy Sỹ		Vật liệu	Khối lượng	Số lượng	Tỉ lệ	Số tờ	
Người vẽ	Trần Quốc Khánh		Q345	20 kg	01 cái			

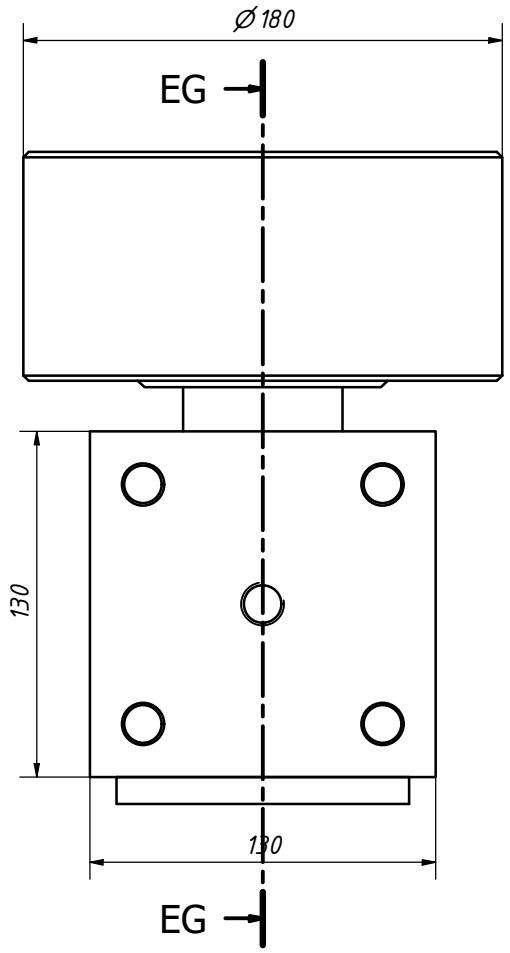


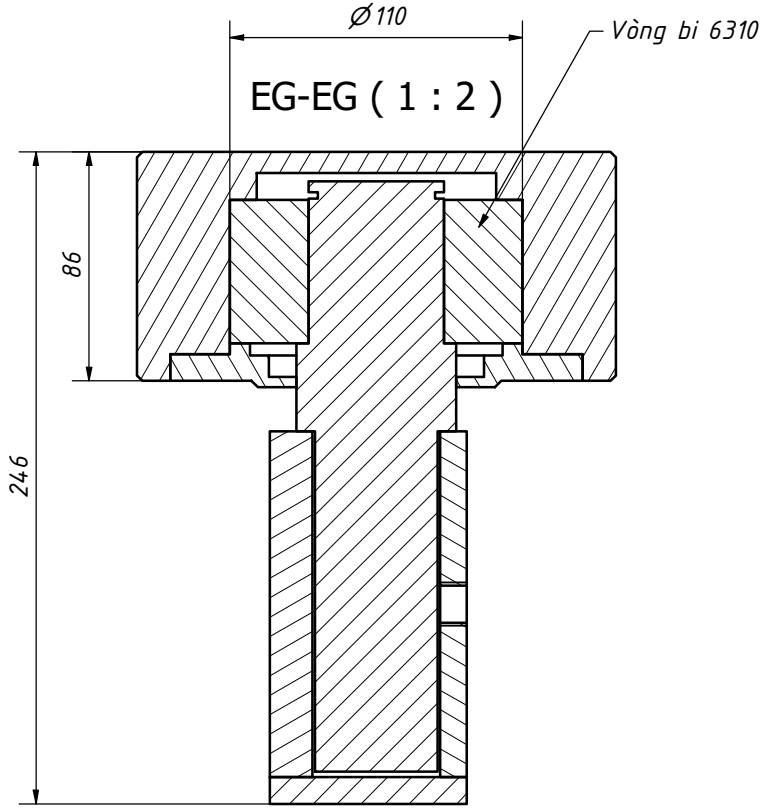
EF-EF (1 : 12.5)

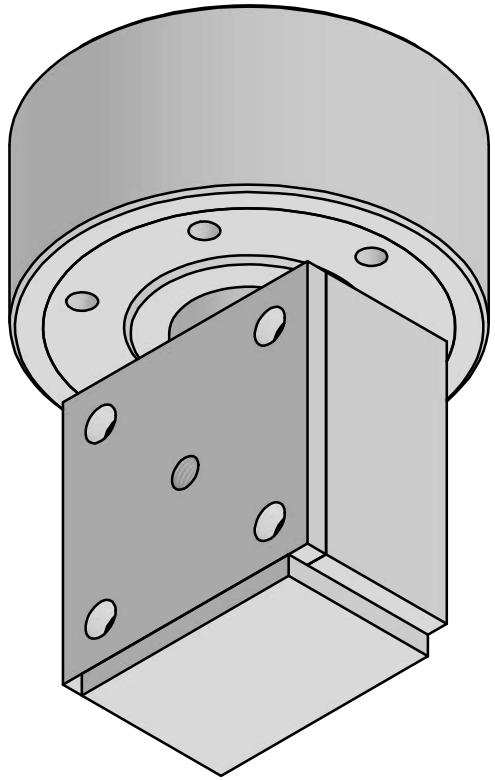




Công ty Nhôm Lâm Đồng - TKV								
Chức danh	Họ và tên	Chữ ký	Vành tỳ máy làm mát xỉ D1480xD1335x100mm					
Phê duyệt	Nguyễn Văn Phong							
Kiểm tra	Lương Duy Sỹ		Vật liệu	Khối lượng	Số lượng	Tỉ lệ	Số tờ	
Người vẽ	Trần Quốc Khánh		Thép C45	503 kg	02 cái			

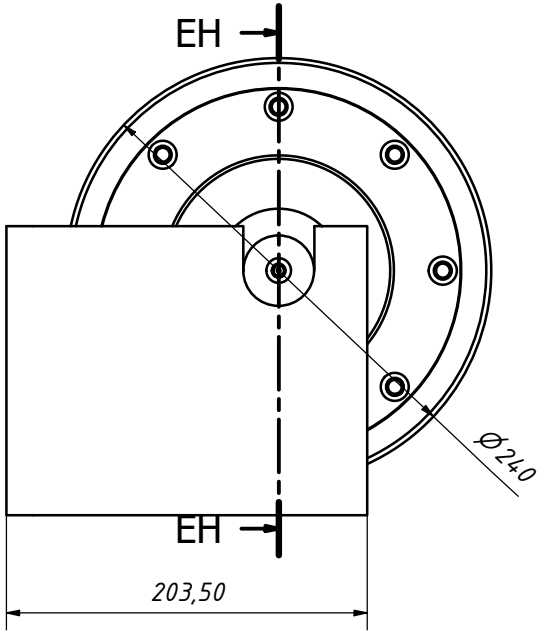




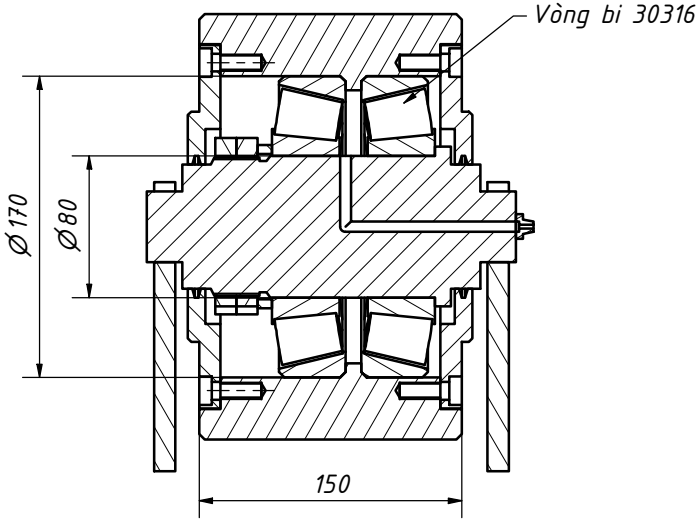


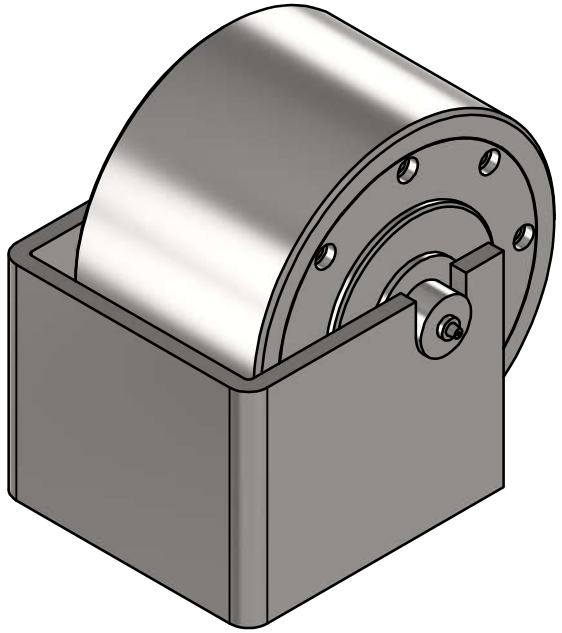
Ghi chú:
Gồm 2 vòng bi 6310; VL C45, bề mặt làm việc được tôi cứng 50-55HRC

Công ty Nhôm Lâm Đồng - TKV								
Chức danh	Họ và tên	Chữ ký	Bánh tỳ cạnh vành D110x180mm, H=86, L=246					
Phê duyệt	Nguyễn Văn Phong							
Kiểm tra	Lương Duy Sỹ		Vật liệu	Khối lượng	Số lượng	Tỉ lệ	Số tờ	
Người vẽ	Trần Quốc Khánh		Thép C45	320 kg	08 bộ			



EH-EH (1 : 3)

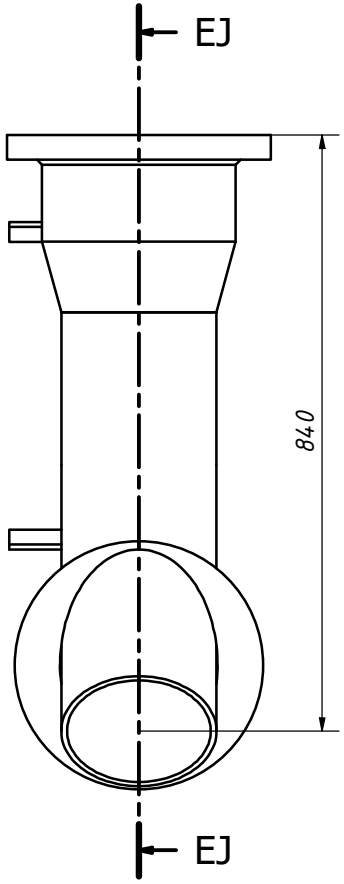


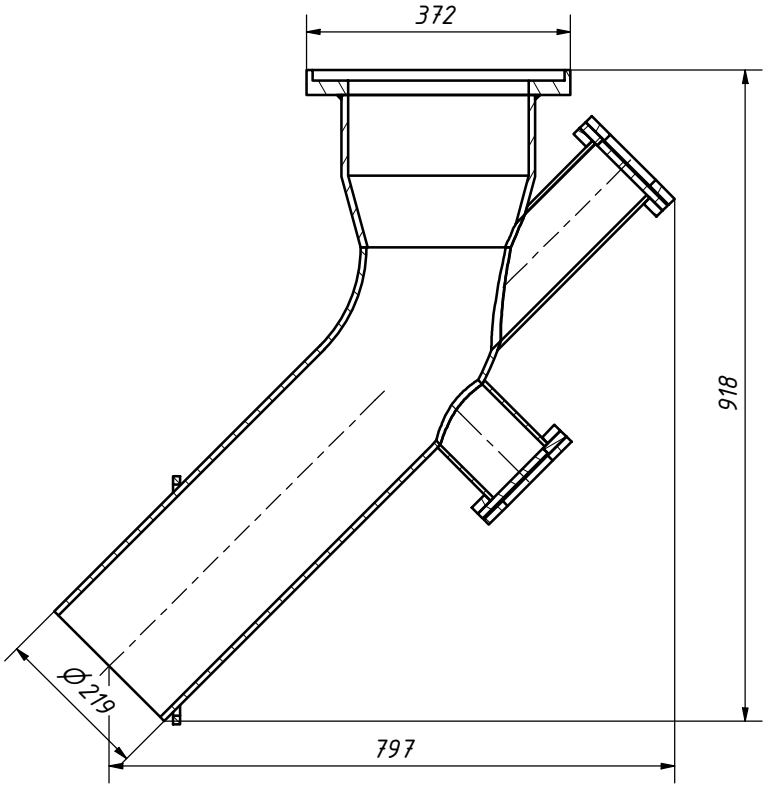


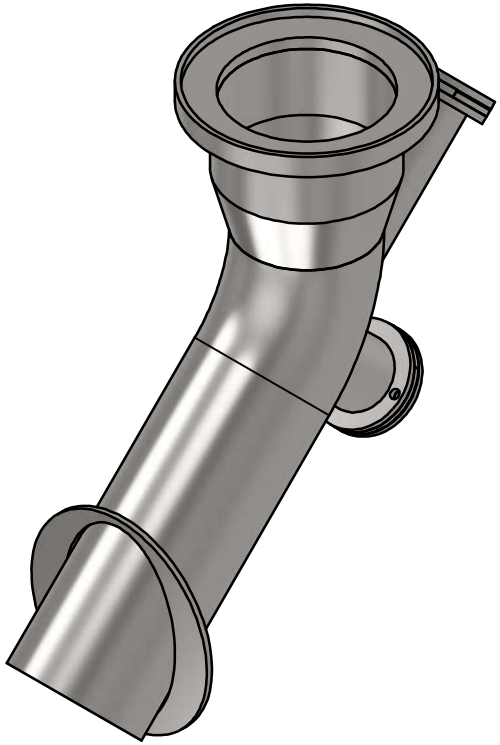
Ghi chú
gồm vòng bi 30316, bề mặt làm việc tôi cứng 40-45HRC

Công ty Nhôm Lâm Đồng - TKV								
Chức danh	Họ và tên	Chữ ký	Bánh tỳ đỡ vành D240XD170XD150					
Phê duyệt	Nguyễn Văn Phong							
Kiểm tra	Lương Duy Sỹ		Vật liệu	Khối lượng	Số lượng	Tỉ lệ	Số tờ	
Người vẽ	Trần Quốc Khánh		Thép C45	204 kg	04 bộ			

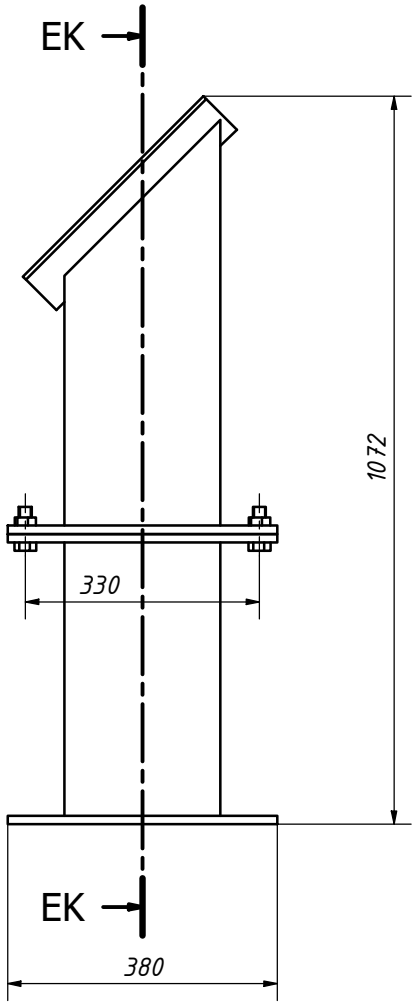
EJ-EJ (1 : 7.5)



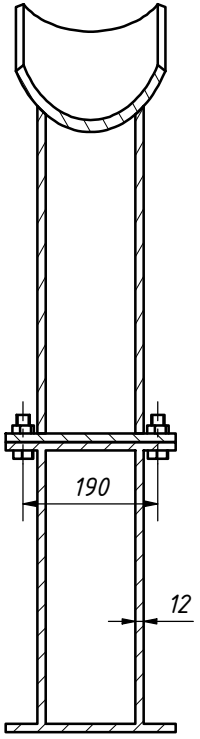


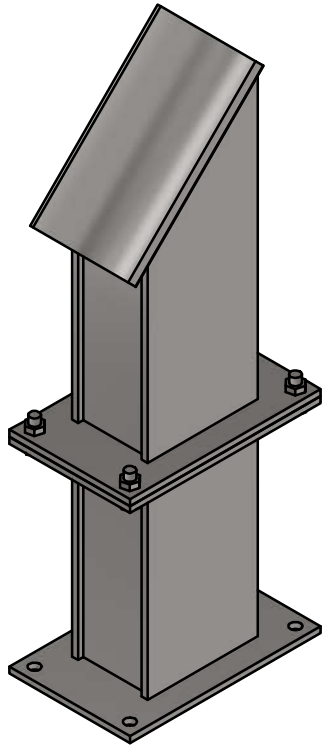


Công ty Nhôm Lâm Đồng - TKV								
Chức danh	Họ và tên	Chữ ký	Cổ ống xuống xỉ D372xH918					
Phê duyệt	Nguyễn Văn Phong							
Kiểm tra	Lương Duy Sỹ		Vật liệu	Khối lượng	Số lượng	Tỉ lệ	Số tờ	
Người vẽ	Trần Quốc Khánh		Inox 310	71 kg	01 cái			

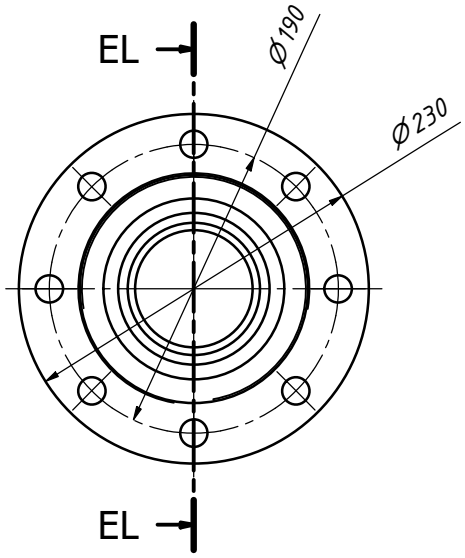


EK-EK (1 : 7.5)

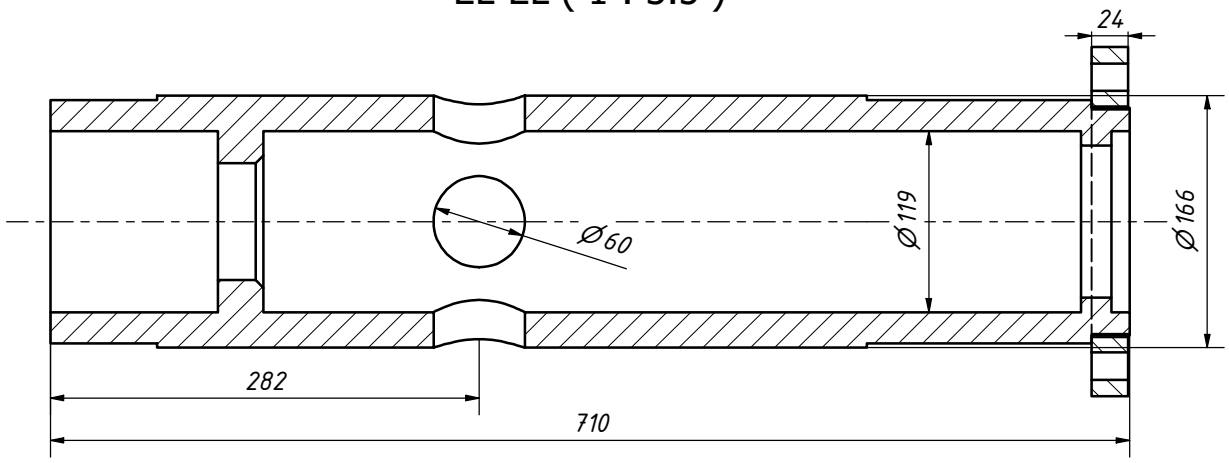


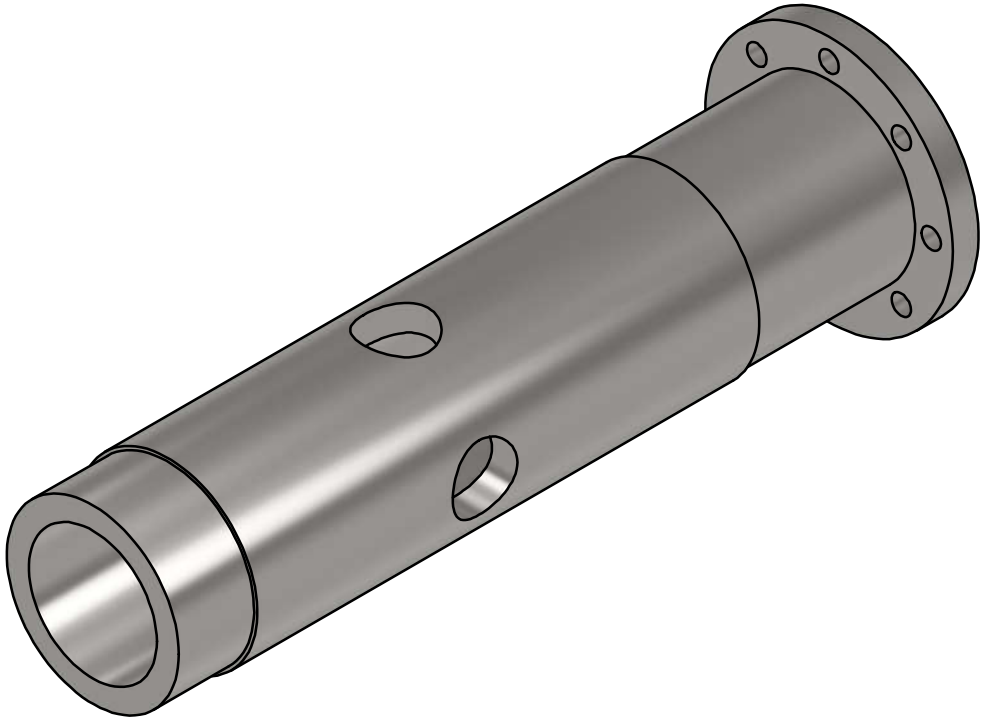


Công ty Nhôm Lâm Đồng - TKV								
Chức danh	Họ và tên	Chữ ký	Giá đỡ cổ ống xuống xỉ KT 380x240x1072x12mm,					
Phê duyệt	Nguyễn Văn Phong							
Kiểm tra	Lương Duy Sỹ		Vật liệu	Khối lượng	Số lượng	Tỉ lệ	Số tờ	
Người vẽ	Trần Quốc Khánh		Q235A	88 kg	01 cái			

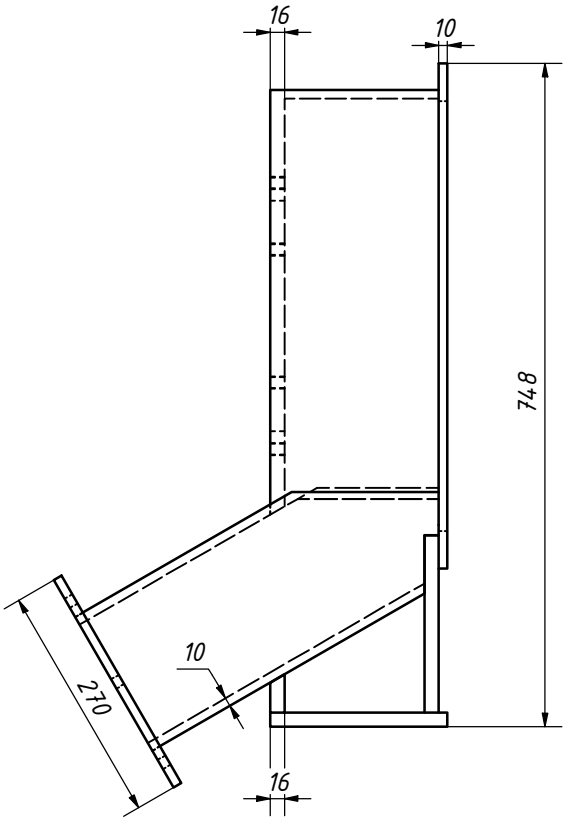


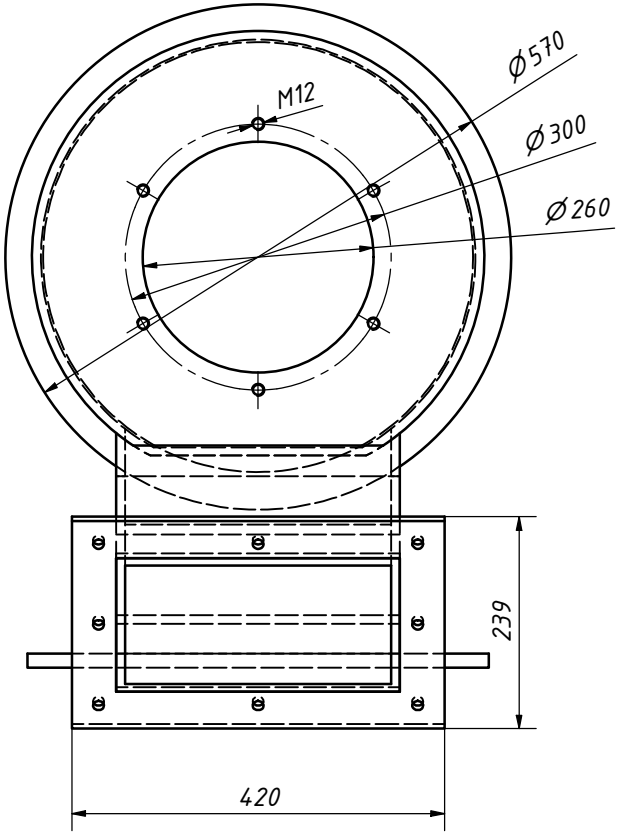
EL-EL (1 : 3.5)

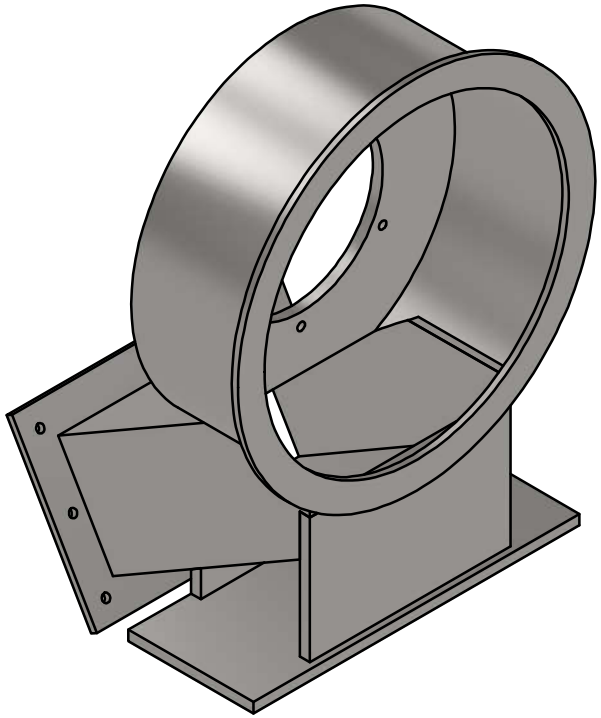




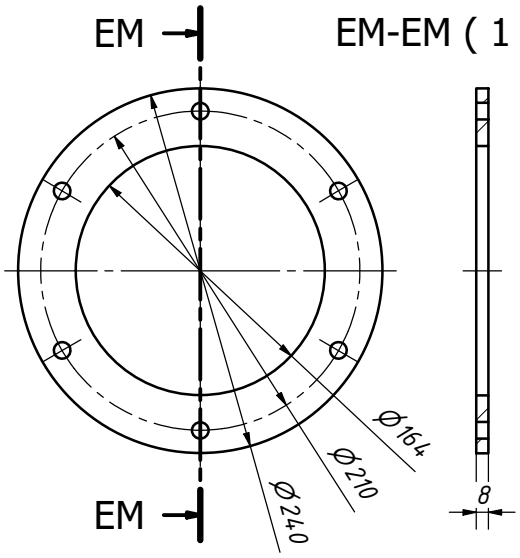
Công ty Nhôm Lâm Đồng - TKV								
Chức danh	Họ và tên	Chữ ký	Trục đầu ra xỉ KT: D166x710mm					
Phê duyệt	Nguyễn Văn Phong							
Kiểm tra	Lương Duy Sỹ		Vật liệu	Khối lượng	Số lượng	Tỉ lệ	Số tờ	
Người vẽ	Trần Quốc Khánh		Thép C45	59 kg	01 cái			



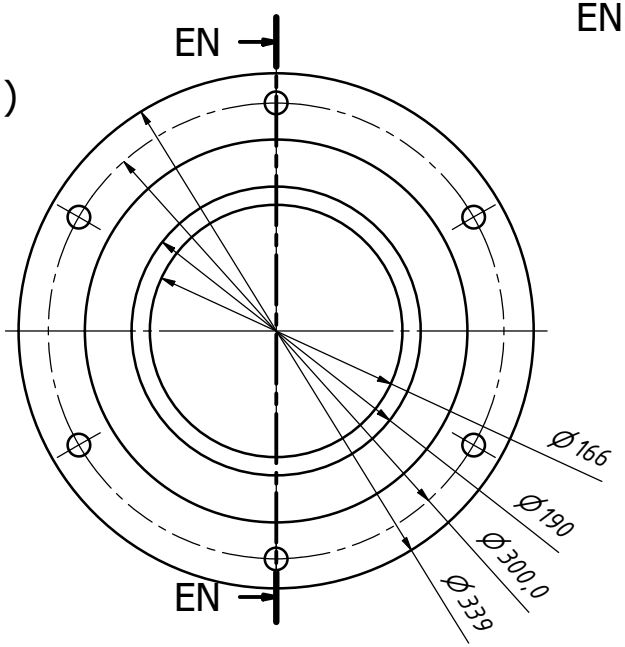




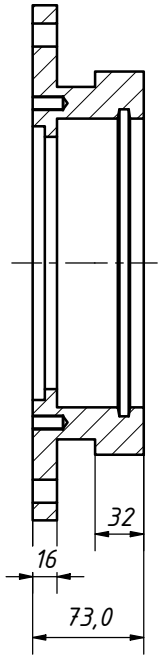
Công ty Nhôm Lâm Đồng - TKV								
Chức danh	Họ và tên	Chữ ký	Khoang gối đỡ xỉ KT748x570x16mm					
Phê duyệt	Nguyễn Văn Phong							
Kiểm tra	Lương Duy Sỹ		Vật liệu	Khối lượng	Số lượng	Tỉ lệ	Số tờ	
Người vẽ	Trần Quốc Khánh		Q345	92 kg	01 cái			

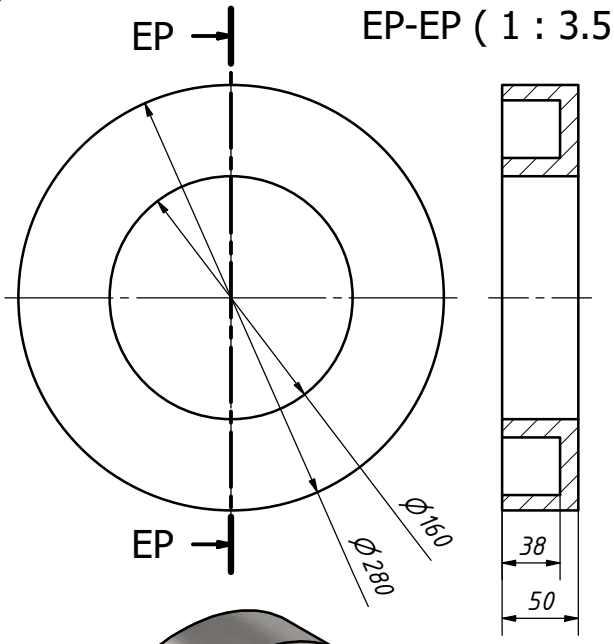


EM-EM (1 : 3.5)

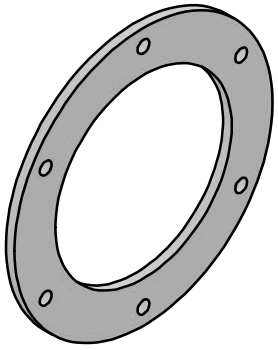


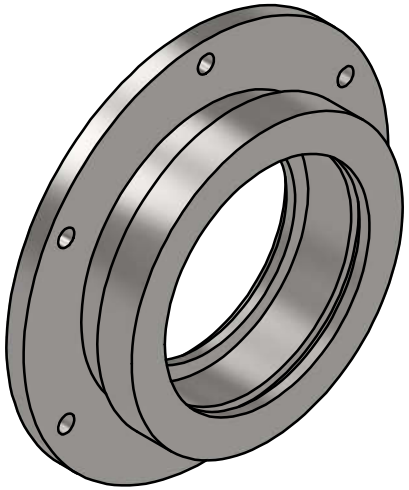
EN-EN (1 : 3.5)

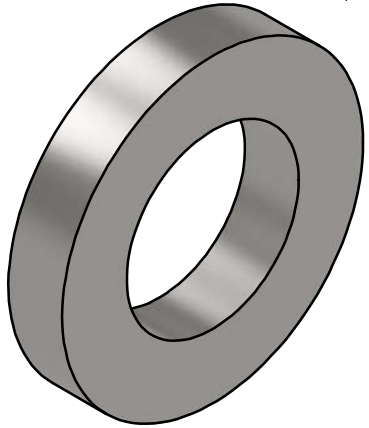




EP-EP (1 : 3.5)







Ghi chú
Bộ làm kín xỉ trục đầu gồm
01 nắp bích KT D240x164x8mm VL:Q345;
01 chèn kín ngoài D339xD166x73 VL Q345;
01 vành chèn kín trong D280xD160x50mm VL Q345;

Công ty Nhôm Lâm Đồng - TKV								
Chức danh	Họ và tên	Chữ ký	Bộ làm kín xỉ trục đầu ra					
Phê duyệt	Nguyễn Văn Phong							
Kiểm tra	Lương Duy Sỹ		Vật liệu	Khối lượng	Số lượng	Tỉ lệ	Số tờ	
Người vẽ	Trần Quốc Khánh		Q345	26 kg	01 bộ			